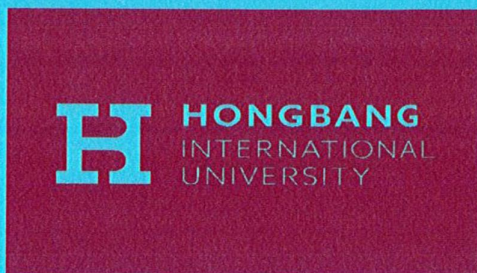


**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUỐC TẾ HỒNG BÀNG**  
**KHOA KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NGÔN NGỮ QUỐC TẾ**



**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**  
**HỆ ĐẠI HỌC CHÍNH QUY**

**NGÀNH NGÔN NGỮ ANH**  
**(Áp dụng từ năm học 2019 - 2020)**

**TP. HỒ CHÍ MINH, NĂM 2019**

## CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Phê duyệt theo Quyết định số: 425 /QĐ-HIU ngày 08 tháng 8 năm 2019  
của Hiệu trưởng Trường Đại Học Quốc Tế Hồng Bàng)

Tên chương trình : **Ngôn Ngữ Anh**  
Trình độ đào tạo : **Đại học**  
Ngành đào tạo : **Ngôn Ngữ Anh**  
Mã ngành : **7220201**  
Loại hình đào tạo : **Chính quy**

### 1. Mục tiêu đào tạo

#### 1.1. Mục tiêu chung

Ngành Ngôn ngữ Anh đào tạo cử nhân Ngôn ngữ Anh khi ra trường có kiến thức chuyên sâu về ngôn ngữ và văn hóa Anh-Mỹ, có năng lực sử dụng tiếng Anh thành thạo và kỹ năng nghề nghiệp phù hợp để làm việc hiệu quả trong lĩnh vực giảng dạy tiếng Anh, biên phiên dịch, hoạt động truyền thông, quản lý trong doanh nghiệp, nhà hàng khách sạn, cơ quan ngoại giao, v.v. Chương trình hướng đến phát triển những công dân có năng lực toàn cầu, phù hợp với nền kinh tế- xã hội hội nhập quốc tế.

Sinh viên có khả năng giải quyết tốt các công việc thuộc ngành nghề chuyên môn, có năng lực tự học, tự nghiên cứu và học tập ở bậc cao hơn; có năng lực Tiếng Anh đạt cấp độ C1 theo khung năng lực Ngoại ngữ chung CEFR.

#### 1.2. Chuẩn đầu ra

##### ❖ Kiến thức

##### **Chuyên ngành Phương pháp giảng dạy tiếng Anh**

- **Nắm vững và vận dụng được các kiến thức cơ bản về đời sống văn hóa, xã hội, về môi trường sống và làm việc, về giáo dục đào tạo trong thời kỳ hội nhập.**
- **Nắm vững và vận dụng được khối kiến thức về ngôn ngữ, lý thuyết học ngôn ngữ, văn hóa các nước nói tiếng Anh, khối kiến thức về sư phạm, phương pháp giảng dạy ngôn ngữ; và khối kiến thức về người học ngôn ngữ.**

- Có kiến thức hệ thống về lý thuyết tiếng Anh, văn hóa, văn học của các nước sử dụng tiếng Anh như Anh, Mỹ.
- Có kiến thức nền tảng về phương pháp giảng dạy tiếng Anh, phương pháp kiểm tra và đánh giá học tập, tâm lý giáo dục, thực hành giảng dạy, hiểu được năng lực lãnh hội ngôn ngữ của người học để có phương pháp dạy học thích hợp với các đối tượng học khác nhau.

#### **Chuyên ngành Biên phiên dịch**

- Nắm vững và vận dụng được các kiến thức cơ bản về đời sống văn hóa, xã hội, về môi trường sống và làm việc trong thời kỳ hội nhập.
- Nắm vững và vận dụng được khối kiến thức về ngôn ngữ, lý thuyết học ngôn ngữ, văn hóa các nước nói tiếng Anh, và khối kiến thức về biên phiên dịch.
- Có kiến thức hệ thống về lý thuyết tiếng Anh, văn hóa, văn học của các nước sử dụng tiếng Anh như Anh, Mỹ để vận dụng vào các tình huống biên phiên dịch.
- Nắm vững và vận dụng được các kiến thức nền tảng về lý thuyết và kỹ thuật biên phiên dịch để có thể đáp ứng yêu cầu của công việc.

#### **Chuyên ngành Thương mại – Truyền thông**

- Nắm vững và vận dụng được các kiến thức cơ bản về đời sống văn hóa, xã hội, về môi trường sống và làm việc trong thời kỳ hội nhập.
- Nắm vững và vận dụng được khối kiến thức về ngôn ngữ, lý thuyết học ngôn ngữ, văn hóa các nước nói tiếng Anh, và khối kiến thức về ngành nghề quản trị, thương mại.
- Có kiến thức hệ thống về lý thuyết tiếng Anh, văn hóa, văn học của các nước sử dụng tiếng Anh như Anh, Mỹ để vận dụng vào các tình huống giao tiếp trong công việc.
- Nắm vững các yêu cầu của các vị trí công việc trong môi trường công sở, doanh nghiệp và vận dụng được các kiến thức đã học vào thực tế công việc.

#### **❖ Kỹ năng**

##### **Chuyên ngành Phương pháp Giảng dạy tiếng Anh**

- Có năng lực sử dụng tiếng Anh hiệu quả trong môi trường giảng dạy và giao tiếp hằng ngày.
- Có năng lực sư phạm, kỹ năng giảng dạy ngôn ngữ, tổ chức các hoạt động giảng dạy, thiết kế bài giảng, kiểm tra và đánh giá kết quả học tập, quản lý lớp học.
- Có khả năng tự đánh giá, bồi dưỡng nhằm nâng cao năng lực bản thân, chất lượng và hiệu quả dạy học.

C  
RUC  
AI F  
QUỐC  
ÔNG I  
A

- Có năng lực và khả năng ứng dụng công nghệ thông tin trong đào tạo và giảng dạy ngoại ngữ

#### **Chuyên ngành Biên phiên dịch**

- Có năng lực sử dụng tiếng Anh hiệu quả trong đời sống hằng ngày và trong môi trường làm việc có sử dụng tiếng Anh.
- Có năng lực biên phiên dịch trong môi trường công sở, khoa học, thương mại, v.v.
- Có kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin trong công việc.
- Có khả năng tự đánh giá, tự bồi dưỡng và nâng cao năng lực bản thân để phục vụ hiệu quả cho công việc.

#### **Chuyên ngành Thương mại – Truyền thông**

- Có năng lực sử dụng tiếng Anh hiệu quả trong đời sống hằng ngày và trong môi trường công sở, doanh nghiệp có sử dụng tiếng Anh.
- Có năng lực và kỹ năng để thực hiện các công việc hành chính, quản lý ở các công ty, xí nghiệp hoạt động trong lĩnh vực kinh tế, thương mại.
- Có khả năng thực hiện các đàm phán ở mức độ cơ bản khi công việc yêu cầu.
- Có năng lực và kỹ năng tổ chức các sự kiện.
- Có khả năng tương tác công chúng qua các kênh truyền thông
- Có kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin trong công việc.
- Có khả năng tự đánh giá, tự bồi dưỡng và nâng cao năng lực bản thân để phục vụ hiệu quả cho công việc.

#### **❖ Thái độ**

- Có phẩm chất đạo đức, có tinh thần trách nhiệm về nghề nghiệp chuyên môn.
- Có tinh thần cầu tiến, hợp tác và giúp đỡ đồng nghiệp
- Có năng lực tự chủ giải quyết các vấn đề liên quan đến chuyên môn, nghiệp vụ.

#### **❖ Vị trí sau khi tốt nghiệp**

- Sinh viên tốt nghiệp cử nhân Ngôn Ngữ Anh -chuyên ngành Phương pháp giảng dạy tiếng Anh có khả năng dạy tiếng Anh ở tất cả các bậc học, các loại hình và cơ sở đào tạo Tiếng Anh tại Việt Nam và khu vực.
- Sinh viên tốt nghiệp cử nhân Ngôn Ngữ Anh -chuyên ngành Biên Phiên dịch, chuyên ngành Thương mại- Truyền thông có năng lực làm việc tại các cơ quan ngoại giao, truyền thông, doanh nghiệp có sử dụng tiếng Anh.
- 100% sinh viên tốt nghiệp được giới thiệu việc làm.

#### **❖ Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp**

- Cử nhân Ngôn ngữ Anh có thể tiếp tục theo học các chương trình sau đại học như Chứng chỉ giảng dạy tiếng Anh sau đại học; chương trình Thạc sỹ, Tiến sỹ về Phương pháp giảng dạy tiếng Anh, Ngôn ngữ học Ứng dụng, Ngôn ngữ Anh, Quản lý Giáo dục, Giáo dục học, Ngôn ngữ so sánh, v.v.

**2. Thời gian đào tạo: 4 năm**

**3. Khối lượng kiến thức toàn khóa: 139 tín chỉ (Chưa tính TC GDTC & GDQP)**

**4. Đối tượng tuyển sinh:** Học sinh đã tốt nghiệp THPT hoặc tương đương.

**5. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp:** Theo Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng chính quy theo hệ thống tín chỉ (Ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo; văn bản số 17/VBHN-BGDĐT ngày 15/05/2014 về việc xác thực hợp nhất Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT và thông tư số 57/2012/TT-BGDĐT); Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo Quyết định số 435/2015/QĐ-DHB ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Hiệu trưởng trường Đại Học Quốc Tế Hồng Bàng.

**6. Thang điểm:** Theo quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ (Ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT, ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo; văn bản số 17/VBHN-BGDĐT ngày 15/05/2014 về việc xác thực hợp nhất Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT và thông tư số 57/2012/TT-BGDĐT); Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo Quyết định số 435/2015/QĐ-DHB ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Hiệu trưởng trường Đại Học Quốc Tế Hồng Bàng.

**7. Nội dung chương trình (tên và khối lượng các học phần)**

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Học phần: học trước (a), tiên quyết (b), song hành (c).
<b>7.1. Khối kiến thức giáo dục đại cương</b>			<b>38</b>	
<b>Khối kiến thức giáo dục đại cương bắt buộc</b>			<b>38</b>	
<b>7.1.1. Lý luận Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh</b>			<b>11</b>	
1	<b>05058</b>	Triết học Mác-Lênin	3 (3,0,4)	
2	<b>05069</b>	Kinh tế chính trị Mác -Lênin	2 (2,0,4)	
3	<b>05070</b>	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2(2,0,4)	

4	<b>05071</b>	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2 (2,0,4)	
5	<b>00007</b>	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2 (2,0,4)	
<b>7.1.2 Khoa học xã hội</b>			<b>5</b>	
1	<b>00042</b>	Pháp luật đại cương	2(1,1,3)	
2	<b>04808</b>	Tư duy biện luận	3(3,0,6)	
<b>7.1.3 Khối kiến thức đại cương ngành bắt buộc</b>			<b>4</b>	
1	<b>04184</b>	Tiếng Việt thực hành	2 (1,1,3)	
2	<b>03396</b>	Dẫn luận ngôn ngữ	2 (1,1,3)	
<b>7.1.4. Ngoại ngữ hai (Chọn 1 trong 4 ngoại ngữ):</b>			<b>12</b>	
1	<b>00410</b>	Tiếng Pháp 1	3 (3,0,6)	
2	<b>02450</b>	Tiếng Nhật 1	3 (3,0,6)	
3	<b>02815</b>	Tiếng Hàn 1	3 (3,0,6)	
4	<b>02816</b>	Tiếng Trung 1	3 (3,0,6)	
5	<b>00411</b>	Tiếng Pháp 2	3 (3,0,6)	
6	<b>02451</b>	Tiếng Nhật 2	3 (3,0,6)	
7	<b>02817</b>	Tiếng Hàn 2	3 (3,0,6)	
8	<b>02818</b>	Tiếng Trung 2	3 (3,0,6)	
9	<b>00412</b>	Tiếng Pháp 3	3 (3,0,6)	
10	<b>02452</b>	Tiếng Nhật 3	3 (3,0,6)	
11	<b>02819</b>	Tiếng Hàn 3	3 (3,0,6)	
12	<b>02820</b>	Tiếng Trung 3	3 (3,0,6)	
13	<b>03234</b>	Tiếng Pháp 4	3 (3,0,6)	
14	<b>03235</b>	Tiếng Nhật 4	3 (3,0,6)	
15	<b>02821</b>	Tiếng Hàn 4	3 (3,0,6)	

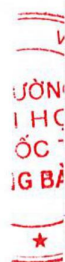
16	02822	Tiếng Trung 4	3 (3,0,6)	
<b>7.1.4 Toán học- Tin học- Khoa học tự nhiên</b>			<b>2</b>	
1	00008	Tin học đại cương	2 (1,1,3)	
<b>7.1.5 Giáo dục thể chất</b>			<b>3</b>	
1	00044	Giáo dục thể chất 1 (*)	1 (0,1,1)	
2	00045	Giáo dục thể chất 2 (*)	1 (0,1,1)	
3	03066	Giáo dục thể chất 3 (*)	1 (0,1,1)	
<b>7.1.6 Giáo dục Quốc phòng</b>			<b>8</b>	
1	02309	LT- Giáo dục quốc phòng - An ninh (*)	5 (5,0,10)	
2	02310	TH - Giáo dục quốc phòng - An ninh (*)	3 (0,3,3)	
<b>Khối kiến thức đại cương tự chọn</b>			<b>4</b>	
1	04180	Lịch sử văn minh thế giới	2 (1,1,3)	
2	04179	Tâm lý học đại cương	2 (1,1,3)	
3	00534	Ngôn ngữ truyền thông	2 (1,1,3)	
4	04182	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2 (1,1,3)	
<b>7.2. Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp</b>			<b>51</b>	
<b>7.2.1 Kiến thức cơ sở ngành bắt buộc</b>			<b>30</b>	
1	04273	Nghe - Nói 1	2 (1,1,3)	
2	04274	Nghe - Nói 2	2 (1,1,3)	
3	04275	Nghe - Nói 3	2 (1,1,3)	
4	04276	Nghe - Nói 4	2 (1,1,3)	
5	04278	Đọc 1	2 (1,1,3)	
6	04279	Đọc 2	2 (1,1,3)	
7	04280	Đọc 3	2 (1,1,3)	
8	04281	Đọc 4	2 (1,1,3)	

9	<b>04283</b>	Viết 1	2 (1,1,3)	
10	<b>04284</b>	Viết 2	2 (1,1,3)	
11	<b>04285</b>	Viết 3	2 (1,1,3)	
12	<b>04286</b>	Viết 4	2 (1,1,3)	
13	<b>04287</b>	Ngữ pháp 1	2 (1,1,3)	
14	<b>04288</b>	Ngữ pháp 2	2 (1,1,3)	
15	<b>04289</b>	Phát âm	2 (1,1,3)	
<b>7.2.2 Khối kiến thức ngôn ngữ-văn hóa bắt buộc</b>			<b>18</b>	
1	<b>05656</b>	Nhập môn văn chương	3 (3,0,6)	
2	<b>01052</b>	Văn hóa Anh	3 (3,0,6)	
3	<b>01053</b>	Văn hóa Mỹ	3 (3,0,6)	
4	<b>05657</b>	Âm vị - hình vị	3 (3,0,6)	
5	<b>00996</b>	Cú pháp học	3 (3,0,6)	
6	<b>01022</b>	Ngữ nghĩa học	3 (3,0,6)	
<b>7.2.3 Khối kiến thức ngôn ngữ-văn hóa tự chọn</b>			<b>3</b>	
1	<b>04855</b>	Văn học Anh	3 (3,0,6)	
2	<b>04856</b>	Văn học Mỹ	3 (3,0,6)	
<b>7.3 Khối kiến thức bổ trợ</b>			<b>50</b>	
<b>7.3.1 Kiến thức bổ trợ bắt buộc</b>			<b>16</b>	
1	<b>04299</b>	Nghệ thuật hùng biện	2 (1,1,3)	
2	<b>05658</b>	Biên dịch Anh – Việt	3 (3,0,6)	
3	<b>05659</b>	Biên dịch Việt – Anh	3 (3,0,6)	
4	<b>05660</b>	Phiên dịch Anh – Việt	3 (3,0,6)	
5	<b>05619</b>	Phiên dịch Việt- Anh	3 (3,0,6)	

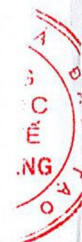
D U C  
 TR  
 Đ A  
 Q U  
 H O N  
 G



6	04300	Viết bài tiểu luận	2 (1,1,3)	
<b>7.3.2 Kiến thức chuyên ngành: (Chọn 1 trong 3 chuyên ngành)</b>			<b>22</b>	
<b>A. Chuyên ngành Phương pháp giảng dạy Tiếng Anh</b>				
<b>Môn học bắt buộc</b>			<b>18</b>	
1	02443	Phương pháp dạy tiếng Anh 1	3 (3,0,6)	
2	02444	Phương pháp dạy tiếng Anh 2	3 (3,0,6)	A:04299
3	04861	Phương pháp dạy tiếng Anh 3	3 (3,0,6)	A:04300
4	01041	Thực hành giảng dạy	3 (3,0,6)	
5	02435	Giảng dạy tiếng Anh cho trẻ em và thiếu nhi	3 (3,0,6)	
6	04862	Công nghệ trong giảng dạy Tiếng Anh	3 (3,0,6)	
<b>Môn học tự chọn (chọn 2 trong 3 môn)</b>			<b>4</b>	
1	05722	Giao tiếp liên văn hóa trong giảng dạy tiếng anh	2 (1,1,3)	
2	04307	Tâm lý giáo dục	2 (1,1,3)	
3	04313	Quản lý lớp học	2 (1,1,3)	
<b>B. Chuyên ngành Biên phiên dịch</b>				
<b>Môn học bắt buộc</b>			<b>18</b>	
1	04863	Biên dịch Anh – Việt nâng cao	3 (3,0,6)	
2	04864	Biên dịch Việt – Anh nâng cao	3 (3,0,6)	
3	04865	Phiên dịch Anh – Việt nâng cao	3 (3,0,6)	
4	04866	Phiên dịch Việt – Anh nâng cao	3 (3,0,6)	
5	02447	Tiếng Anh thương mại 1	3 (3,0,6)	
6	02448	Tiếng Anh thương mại 2	3 (3,0,6)	
<b>Môn học tự chọn (chọn 2 trong 3 môn)</b>			<b>4</b>	
1	04321	Thư tín thương mại	2 (1,1,3)	
2	04324	Tiếng Anh du lịch	2 (1,1,3)	
3	03402	Tổ chức sự kiện	2 (1,1,3)	


  
 BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

<b>C. Chuyên ngành Thương mại – Truyền thông</b>			<b>18</b>	
<b>Môn học bắt buộc</b>				
1	<b>02447</b>	Tiếng Anh thương mại 1	3 (3,0,6)	
2	<b>02448</b>	Tiếng Anh thương mại 2	3 (3,0,6)	
3	<b>02449</b>	Tiếng Anh thương mại 3	3 (3,0,6)	
4	<b>04865</b>	Phiên dịch Anh – Việt nâng cao	3 (3,0,6)	
5	<b>04866</b>	Phiên dịch Việt – Anh nâng cao	3 (3,0,6)	
6	<b>04867</b>	Hành vi tổ chức	3 (3,0,6)	
<b>Môn học tự chọn (chọn 2 trong 3 môn)</b>			<b>4</b>	
1	<b>03402</b>	Tổ chức sự kiện	2 (1,1,3)	
2	<b>04305</b>	Giao tiếp liên văn hóa	2 (1,1,3)	
3	<b>04321</b>	Thư tín thương mại	2 (1,1,3)	
<b>7.3.3 Thực tập và Khóa luận tốt nghiệp (có điều kiện – điểm trung bình từ 8.0 trở lên)</b>			<b>12</b>	
1	<b>04213</b>	Thực tập	6 (0,6,12)	
2	<b>04214</b>	Khóa luận tốt nghiệp (có điều kiện – điểm trung bình từ 8.0 trở lên)	6 (0,6,12)	
<b>Môn học bắt buộc - thay thế khóa luận tốt nghiệp</b>			<b>6</b>	
1	<b>02814</b>	Năng lực ngôn ngữ	3 (3,0,6)	
<b>Chuyên ngành Phương pháp giảng dạy Tiếng Anh</b>				
2	<b>04326</b>	Phương pháp dạy tiếng Anh nâng cao	3 (3,0,6)	
<b>Chuyên ngành Biên phiên dịch</b>				
2	<b>03174</b>	Biên phiên dịch thương mại nâng cao	3 (3,0,6)	A:04316, 04318
<b>Chuyên ngành Thương mại – Truyền thông</b>				
2	<b>03174</b>	Biên phiên dịch thương mại nâng cao	3 (3,0,6)	A:04316, 04318
<b>Tổng cộng:</b>			<b>139</b>	



**8. Khung chương trình****8.1 Kế hoạch đào tạo**

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Ghi chú
<b>HỌC KỲ 1</b>			<b>15</b>	
1	<b>04273</b>	Nghe – Nói 1	2 (1,1,3)	
2	<b>04278</b>	Đọc hiểu 1	2 (1,1,3)	
3	<b>04283</b>	Viết 1	2 (1,1,3)	
4	<b>04287</b>	Ngữ pháp 1	2 (1,1,3)	
5	<b>04289</b>	Luyện phát âm	2 (1,1,3)	
6	<b>04808</b>	Tư duy biện luận	3 (3,0,6)	
<b>Môn học tự chọn (Chọn 1 trong 2 môn)</b>				
7	<b>04179</b>	Tâm lý học đại cương	2 (1,1,3)	
8	<b>04180</b>	Lịch sử văn minh thế giới	2 (1,1,3)	
<b>HỌC KỲ 2</b>			<b>15</b>	
1	<b>04274</b>	Nghe – Nói 2	2 (1,1,3)	
2	<b>04279</b>	Đọc hiểu 2	2 (1,1,3)	
3	<b>04284</b>	Viết 2	2 (1,1,3)	
4	<b>04288</b>	Ngữ pháp 2	2 (1,1,3)	
5	<b>04184</b>	Tiếng Việt thực hành	2 (1,1,3)	
<b>Môn học tự chọn (Chọn 1 trong 2 môn)</b>				
6	<b>04182</b>	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2 (1,1,3)	
7	<b>00534</b>	Ngôn ngữ truyền thông	2 (1,1,3)	
<b>Ngoại ngữ 2 (Chọn 1 trong 4 môn)</b>				
1	<b>00410</b>	Tiếng Pháp 1	3 (3,0,6)	
2	<b>02450</b>	Tiếng Nhật 1	3 (3,0,6)	
3	<b>02815</b>	Tiếng Hàn 1	3 (3,0,6)	

4	02816	Tiếng Trung 1	3 (3,0,6)	
<b>HỌC KỲ HÈ 1</b>				
<i>Dành cho sinh viên đăng ký học phần ANQP, học lại, học vượt, ...</i>				
<b>HỌC KỲ 3</b>			<b>16</b>	
1	00008	Tin học đại cương	2 (1,1,3)	
2	03396	Dẫn luận ngôn ngữ	2 (1,1,3)	
3	04275	Nghe – Nói 3	2 (1,1,3)	
4	04280	Đọc hiểu 3	2 (1,1,3)	
5	04285	Viết 3	2 (1,1,3)	
6	05658	Biên dịch Anh – Việt	3 (3,0,6)	
<b>Ngoại ngữ 2: (Chọn 1 trong 4 môn đã chọn học kỳ 2)</b>				
7	00411	Tiếng Pháp 2	3 (3,0,6)	
8	02451	Tiếng Nhật 2	3 (3,0,6)	
9	02817	Tiếng Hàn 2	3 (3,0,6)	
10	02818	Tiếng Trung 2	3 (3,0,6)	
<b>HỌC KỲ 4</b>			<b>19</b>	
1	00042	Pháp luật đại cương	2 (1,1,3)	
2	04276	Nghe – Nói 4	2 (1,1,3)	
3	04281	Đọc hiểu 4	2 (1,1,3)	
4	04286	Viết 4	2 (1,1,3)	
5	04299	Nghệ thuật hùng biện	2 (1,1,3)	
6	05659	Biên dịch Việt – Anh	3 (3,0,6)	
7	05657	Âm vị -hình vị	3 (3,0,6)	
<b>Ngoại ngữ 2: (Chọn 1 trong 4 môn đã chọn học kỳ 2 và 3)</b>				
1	00412	Tiếng Pháp 3	3 (3,0,6)	



2	<b>02452</b>	Tiếng Nhật 3	3 (3,0,6)	
3	<b>02819</b>	Tiếng Hàn 3	3 (3,0,6)	
4	<b>02820</b>	Tiếng Trung 3	3 (3,0,6)	
<b>HỌC KỲ HÈ 2</b>				
<i>Dành cho sinh viên đăng ký học phần GDTC-ANQP, học lại, học vượt, ...</i>				
<b>HỌC KỲ 5</b>			<b>18</b>	
1	<b>05068</b>	Triết học Mác-Lênin	3 (3,0,6)	
2	<b>01052</b>	Văn hóa anh	3 (3,0,6)	
3	<b>00996</b>	Cú pháp học	3 (3,0,6)	
4	<b>05656</b>	Nhập môn văn chương	3 (3,0,6)	
<b>Ngoại ngữ 2: (Chọn 1 trong 4 môn đã chọn học kỳ 2, 3 và 4)</b>				
1	<b>03234</b>	Tiếng Pháp 4	3 (3,0,6)	
2	<b>03235</b>	Tiếng Nhật 4	3 (3,0,6)	
3	<b>02821</b>	Tiếng Hàn 4	3 (3,0,6)	
4	<b>02822</b>	Tiếng Trung 4	3 (3,0,6)	
<b>Chuyên ngành Phương pháp giảng dạy Tiếng Anh</b>				
1	<b>02443</b>	Phương pháp dạy tiếng Anh 1	3 (3,0,6)	
<b>Chuyên ngành Biên phiên dịch</b>				
1	<b>04863</b>	Biên dịch Anh – Việt nâng cao	3 (3,0,6)	
<b>Chuyên ngành Thương mại – Truyền thông</b>				
1	<b>02447</b>	Tiếng Anh thương mại 1	3 (3,0,6)	
<b>HỌC KỲ 6</b>			<b>19</b>	
1	<b>05069</b>	Kinh tế chính trị Mac- Lênin	2 (2,0,4)	
2	<b>05070</b>	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2 (2,0,4)	
3	<b>01053</b>	Văn hóa Mỹ	3 (3,0,6)	

1/2  
 TF  
 3A  
 QL  
 HỒI  
 1/2

4	<b>05619</b>	Phiên dịch Việt – Anh	3 (3,0,6)	
<b>Môn học tự chọn (Chọn 1 trong 2 môn)</b>			<b>3</b>	
1	<b>04855</b>	Văn học Anh	3 (3,0,6)	
2	<b>04856</b>	Văn học Mỹ	3 (3,0,6)	
<b>Chuyên ngành Phương pháp giảng dạy Tiếng Anh</b>				
1	<b>02444</b>	Phương pháp dạy tiếng Anh 2	3 (3,0,6)	
2	<b>04862</b>	Công nghệ trong giảng dạy Tiếng Anh	3 (3,0,6)	
<b>Chuyên ngành Biên phiên dịch</b>				
1	<b>04864</b>	Biên dịch Việt - Anh nâng cao	3 (3,0,6)	
2	<b>02447</b>	Tiếng Anh thương mại 1	3 (3,0,6)	
<b>Chuyên ngành Thương mại- Truyền thông</b>				
1	<b>02448</b>	Tiếng Anh thương mại 2	3 (3,0,6)	
2	<b>04865</b>	Phiên dịch Anh - Việt nâng cao	3 (3,0,6)	
<b>HỌC KỲ HÈ 3</b>				
<i>Dành cho sinh viên đăng ký học phần GDTC-ANQP, học lại, học vượt, ...</i>				
<b>HỌC KỲ 7</b>			<b>20</b>	
1	<b>05071</b>	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2 (2,0,4)	
2	<b>00007</b>	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2 (1,1,3)	
3	<b>05660</b>	Phiên dịch Anh - Việt	3 (3,0,6)	
<b>Chuyên ngành Phương pháp giảng dạy Tiếng Anh</b>				
1	<b>01041</b>	Thực hành giảng dạy	3 (3,0,6)	
2	<b>04861</b>	Phương pháp dạy tiếng Anh 3	3 (3,0,6)	
3	<b>02435</b>	Giảng dạy tiếng Anh cho trẻ em và thiếu nhi	3 (3,0,6)	
<b>Môn học tự chọn (Chọn 2 trong 3 môn)</b>				
1	<b>04307</b>	Tâm lý giáo dục	2 (1,1,3)	
2	<b>04313</b>	Quản lý lớp học	2 (1,1,3)	
3	<b>05722</b>	Giao tiếp liên văn hóa trong giảng dạy tiếng Anh	2 (1,1,3)	
<b>Chuyên ngành Biên phiên dịch</b>				

1	<b>02448</b>	Tiếng Anh thương mại 2	3 (3,0,6)	
2	<b>04866</b>	Phiên dịch Việt – Anh nâng cao	3 (3,0,6)	
3	<b>04865</b>	Phiên dịch Anh - Việt nâng cao	3 (3,0,6)	
<b>Môn học tự chọn (Chọn 2 trong 3 môn)</b>				
1	<b>04867</b>	Hành vi tổ chức	2 (1,1,3)	
2	<b>04324</b>	Tiếng Anh du lịch	2 (1,1,3)	
3	<b>04321</b>	Thư tín thương mại	2 (1,1,3)	
<b>Chuyên ngành Thương mại – Truyền thông</b>				
1	<b>02449</b>	Tiếng Anh thương mại 3	3 (3,0,6)	
2	<b>04866</b>	Phiên dịch Việt – Anh nâng cao	3 (3,0,6)	
3	<b>04867</b>	Hành vi tổ chức	3 (3,0,6)	
<b>Môn học tự chọn (Chọn 2 trong 3 môn)</b>				
1	<b>03402</b>	Tổ chức sự kiện	2 (1,1,3)	
2	<b>05722</b>	Giao tiếp liên văn hóa trong giảng dạy tiếng Anh	2 (1,1,3)	
3	<b>04321</b>	Thư tín thương mại	2 (1,1,3)	
<b>HỌC KỲ 8</b>			<b>17</b>	
1	<b>04300</b>	Viết bài tiểu luận	2 (1,1,3)	
2	<b>01022</b>	Ngữ nghĩa học	3 (3,0,6)	
3	<b>04213</b>	Thực tập tốt nghiệp	6 (0,6,6)	
4	<b>04214</b>	Khóa luận tốt nghiệp ( <i>có điều kiện – điểm trung bình từ 8.0 trở lên</i> )	6 (6,0,12)	
<b>Môn học bắt buộc - thay thế khóa luận tốt nghiệp</b>				
1	<b>02814</b>	Năng lực ngôn ngữ	3 (3,0,6)	
<b>Chuyên ngành Phương pháp giảng dạy Tiếng Anh</b>				
1	<b>04326</b>	Phương pháp dạy tiếng Anh nâng cao	3 (3,0,6)	
<b>Chuyên ngành Biên phiên dịch</b>				
1	<b>03174</b>	Biên phiên dịch thương mại nâng cao	3 (3,0,6)	

<b>Chuyên ngành Thương mại – Truyền thông</b>				
1	<b>03174</b>	Biên phiên dịch thương mại nâng cao	3 (3,0,6)	
<b>Tổng số tín chỉ toàn khóa:</b>			<b>139</b>	

Ghi chú:

- Các học phần GDTC-ANQP sinh viên tự đăng ký học trong 3 năm đầu của khóa học.
- Các học kỳ hè: các Khoa, Bộ môn chủ động cho sinh viên đăng ký trả nợ hoặc học vượt....

**8.2 Hướng dẫn thực hiện chương trình**

❖ **Chương trình giáo dục đại học này được thiết kế dựa trên văn bản sau:**

- Theo Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ (Ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT, ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo; văn bản số 17/VBHN-BGDĐT ngày 15/05/2014 về việc xác thực hợp nhất Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT và thông tư số 57/2012/TT-BGDĐT;
- Thông tư số 08/2011/TT-BGDĐT Ngày 17 tháng 2 năm 2011 Bộ Trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định điều kiện, hồ sơ, quy trình mở ngành đào tạo, đình chỉ, tuyển sinh, thu hồi quyết định mở ngành đào tạo trình độ đại học, trình độ cao đẳng;
- Quyết định của Thủ tướng chính phủ số 518./QĐ-TTg ngày 11 tháng 7 năm 1997 thành lập trường Đại học Quốc tế Hồng Bàng;
- Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo Quyết định số 435/2015/QĐ-BGDĐT ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Hiệu trưởng trường Đại học Quốc tế Hồng Bàng.

❖ **Yêu cầu đối với sinh viên ngành Ngôn Ngữ Anh và giáo viên**

- Chủ tịch Hội đồng Khoa học và Viện Khoa học Xã hội và Ngôn ngữ Quốc tế - Trường Đại học Quốc tế Hồng Bàng có trách nhiệm theo dõi việc thực hiện đầy đủ các danh mục các học phần theo đúng quy định của khung chương trình đào tạo.
- Đề cương chi tiết học phần kèm theo chương trình này là cơ sở để theo dõi, kiểm tra việc thực hiện nề nếp; thực hiện nội dung giảng dạy và nội dung của các đề thi kết thúc học phần.
- Giảng viên giảng dạy mỗi học phần có trách nhiệm thực hiện đầy đủ và có chất lượng cao các nội dung dạy và học trong đề cương chi tiết môn học; đảm bảo chính xác phân phối tỷ lệ giờ: Lý thuyết, thảo luận, bài tập thực hành, tự học.



- Lớp học mở theo đăng ký của sinh viên. Mỗi lớp học có ít nhất 20 sinh viên đăng ký trở lên.
- Thời gian cho sinh viên tích lũy đủ số tín theo quy chế đào tạo của trường. Khi tích lũy đủ số tín chỉ qui định trong khung chương trình đào tạo thì sinh viên mới được xét cấp bằng tốt nghiệp.

## 9. Mô tả vắn tắt các môn học

### **Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin 1, 2**

Học phần Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác- Lênin 1 giới thiệu những nội dung cơ bản về thế giới quan và phương pháp luận triết học – bộ phận lý luận nền tảng của chủ nghĩa Mác- Lênin. Đó là quan điểm duy vật biện chứng về vật chất, ý thức và mối quan hệ giữa vật chất và ý thức; về phép biện chứng duy vật với tư cách là khoa học về mối liên hệ phổ biến và về sự phát triển, về những quy luật chung nhất của tự nhiên, xã hội và tư duy, bao gồm các nguyên lý, quy luật và các cấp phạm trù; về lý luận nhận thức; về chủ nghĩa duy vật lịch sử với tư cách là hệ thống những quan điểm duy vật biện chứng về xã hội, làm sáng tỏ nguồn gốc, động lực và những quy luật chung của sự vận động, phát triển của lịch sử xã hội loài người.

Học phần Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác- Lênin 2 bao gồm 2 phần: Học thuyết kinh tế của chủ nghĩa Mác-Lênin về phương thức sản xuất Tư bản chủ nghĩa và Lý luận của chủ nghĩa Mác- Lênin về Chủ nghĩa xã hội. Phần Học thuyết kinh tế giới thiệu 2 học thuyết cơ bản là học thuyết giá trị và học thuyết giá trị thặng dư, qua đó sinh viên được tiếp cận, luận giải các phạm trù kinh tế cơ bản của một nền kinh tế thị trường cạnh tranh tự do. Đồng thời Phần Học thuyết kinh tế cũng luận giải sự chuyển biến của chủ nghĩa tư bản từ giai đoạn cạnh tranh tự do sang giai đoạn độc quyền, độc quyền nhà nước từ cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX và những đặc điểm kinh tế cơ bản của nền kinh tế tư bản chủ nghĩa trong giai đoạn này. Phần Lý luận của chủ nghĩa Mác- Lênin về Chủ nghĩa xã hội giới thiệu những nội dung cơ bản về vai trò sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, tính tất yếu và nội dung của cách mạng xã hội chủ nghĩa; những vấn đề chính trị - xã hội có tính quy luật trong tiến trình cách mạng XHCN như: xây dựng nền dân chủ XHCN, nhà nước XHCN, nền văn hóa XHCN, giải quyết các vấn đề về dân tộc và tôn giáo.

### **Tư tưởng Hồ Chí Minh**

Học phần này cung cấp cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về: Cơ sở, quá trình hình thành và phát triển của tư tưởng Hồ Chí Minh; Hệ thống những quan điểm toàn diện và sâu sắc về một số vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam, bao gồm vấn đề dân tộc và cách mạng giải phóng dân tộc; chủ nghĩa xã hội và con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam;

Đảng Cộng sản Việt Nam; đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế; dân chủ và xây dựng nhà nước của dân, do dân, vì dân; đạo đức, văn hóa và xây dựng con người mới; Những đóng góp về lý luận và thực tiễn của Hồ Chí Minh đối với sự nghiệp cách mạng của dân tộc Việt Nam.

### **Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam**

Nghiên cứu sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam và cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng; nghiên cứu đường lối đấu tranh giành chính quyền (1930-1945), đường lối đấu tranh chống thực dân Pháp và Đế quốc Mỹ xâm lược (1945-1975); nghiên cứu đường lối của Đảng trong quá trình lãnh đạo cách mạng XHCN, đặc biệt trong thời kỳ đổi mới trên một số lĩnh vực như: đường lối công nghiệp hoá; đường lối xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; đường lối xây dựng hệ thống chính trị; đường lối xây dựng, phát triển văn hoá và giải quyết các vấn đề xã hội; đường lối đối ngoại và kết quả, ý nghĩa việc thực hiện đường lối đó trong thời kỳ đổi mới.

### **Tin học đại cương**

Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về công nghệ thông tin; phần mềm hệ thống (hệ điều hành), phần mềm ứng dụng, phần mềm công cụ; Khai thác hệ điều hành phổ thông MS Windows; Sử dụng các phần mềm văn phòng để làm tài liệu, quản trị dữ liệu ở mức đơn giản; Sử dụng các dịch vụ trên Internet như e-mail, tìm kiếm tin tức

### **Phương pháp nghiên cứu khoa học**

Giới thiệu những kiến thức cơ bản về các phương pháp tiến hành nghiên cứu một cách có hệ thống và mang tính khoa học. Hướng dẫn các bước thực hiện một nghiên cứu, từ đặt vấn đề, tổng quan tài liệu, thu thập thông tin, cho đến hoàn thành và báo cáo các đề tài nghiên cứu.

### **Tâm lý học đại cương**

Bao gồm những kiến thức của tâm lý học đại cương: Những vấn đề chung của tâm lý học. Yêu cầu sinh viên nắm vững hệ thống tri thức cơ bản, khoa học hiện đại về tâm lý học đại cương. Các quan điểm duy vật biện chứng khi xem xét các hiện tượng tâm lý con người. Hình thành kỹ năng học tập và hiểu được các tri thức tâm lý học vào việc rèn luyện bản thân, giải thích các hiện tượng tâm lý con người theo quan điểm khoa học

### **Tiếng Việt thực hành**

Nội dung môn học gồm 2 phần chính: những vấn đề cơ bản về tiếng Việt và sử dụng tiếng Việt, những vấn đề chung về văn bản tiếng Việt và thực hành văn bản tiếng Việt.

### **Lịch sử văn minh thế giới**

Môn học giúp sinh viên hiểu rõ những giai đoạn lớn trong lịch sử phát triển của loài người. Lý giải được tại sao xã hội loài người phát triển không ngừng. Qua đó hình thành ý

U C  
TRU  
ĐẠI  
QUC  
HÔNG

thức trân trọng và bảo vệ những gì mà sinh viên đang được thụ hưởng từ mọi nền văn hóa khác nhau.

### **Cơ sở văn hóa Việt Nam**

Cung cấp cho sinh viên những tri thức cơ bản, cần thiết về nền văn hóa dân tộc. Nền văn hóa đó được xây dựng theo một hệ thống hoàn chỉnh từ cơ sở ngôn ngữ, phong tục, tập quán... và nhất là nó được xây dựng trên một cơ sở tư tưởng của người Việt.

### **Tư duy phản biện**

Môn học này sẽ thảo luận về những khái niệm, những quy tắc nên tảng, những nguyên lý, những quy luật và cách thức vận hành của tư duy nói chung, trên cơ sở đó, môn học nhằm tập trung ứng dụng các nguyên lý này vào việc suy nghĩ, quyết định, giải quyết vấn đề một cách chính xác, chủ động, sáng tạo và hiệu quả.

### **Dẫn luận ngôn ngữ**

Học phần cung cấp kiến thức về ngôn ngữ truyền thông, những vấn đề về sử dụng ngôn ngữ, đặc điểm ngôn ngữ trong các loại hình truyền thông, đặc điểm ngôn ngữ trong các nhóm thể loại truyền thông, ngôn ngữ tiêu đề.

### **Nghe nói**

Các học phần bao gồm nội dung: Thực hành nghe nói các chủ đề đi từ mức độ đơn giản, quen thuộc với đời sống hằng ngày đến các mức độ khó hơn như thảo luận các vấn đề xã hội, trình bày một bài nói trước tập thể. Học phần giúp sinh viên rèn luyện khả năng sử dụng các chức năng ngôn ngữ, phát âm chuẩn xác, nghe và đoán ý người nói, ghi chú, lập dàn ý để hoàn thành mục tiêu giao tiếp.

### **Đọc hiểu**

Học phần bao gồm nội dung: Đọc các bài đọc có nội dung đi từ dễ đến khó từ các chủ đề liên quan đến cuộc sống hằng ngày đến các chủ đề học thuật. Đọc và nhận dạng các thể loại bài đọc, đọc và suy đoán ý tưởng không được đề cập trực tiếp trong bài đọc, tìm ý chính và chi tiết trong bài đọc. Học phần này cũng giúp sinh viên trở thành người đọc độc lập, tập trung vào việc nắm vững kỹ năng đọc hiểu, chọn lọc ý quan trọng trong quá trình đọc, hình thành ý tưởng trước khi đọc, nhận xét và thảo luận ý chính, phân loại thông tin, hiểu thông tin được trình bày ở các dạng thức khác nhau.

### **Viết**

Học phần bao gồm nội dung: Ôn tập các điểm ngữ pháp, các dạng câu và dung các ngữ liệu này phục vụ cho hoạt động viết. Hướng dẫn sinh viên làm quen với cách diễn đạt và sắp xếp ý tưởng theo phong cách viết của Anh ngữ. Giúp sinh viên trang bị kỹ năng từ cơ bản đến nâng cao để viết đúng hình thức, đúng thể loại, biết vận dụng kiến thức ngữ pháp, từ

vựng để diễn đạt ý tưởng của mình một cách đầy đủ và có logic theo dạng đoạn văn, bài luận (essay) hoàn chỉnh và làm nền tảng cho việc viết bài tiểu luận

### **Ngữ Pháp 1, 2**

Học phần bao gồm nội dung: Hệ thống các điểm ngữ pháp cơ bản trong tiếng Anh ở mức độ trung cấp và cao trung cấp bậc B1 và B2 (CEF). Sinh viên thực hành các bài tập đa dạng có nội dung thú vị, sinh động, phản ánh ngôn ngữ trong giao tiếp hằng ngày. Học phần cũng giúp sinh viên phát triển vốn từ vựng để có thể rèn luyện kỹ năng nói, viết và thảo luận. Ngoài ra, sinh viên cũng nhận thấy các điểm ngữ pháp được sử dụng trong ngữ cảnh thật (real context) trong giáo trình English Grammar in Context. Các bài tập mở rộng thêm phù hợp cho việc thực hành theo nhóm.

### **Luyện Phát Âm**

Học phần bao gồm nội dung: Cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về cách phát âm các âm trong tiếng Anh, cách nhấn giọng và ngữ điệu nhằm giúp sinh viên có thể nghe và phát âm đúng tiếng Anh. Môn học này cũng giúp sinh viên nắm bắt được hệ thống phát âm của tiếng Anh để có thể biết cách phát âm các từ mới.

### **Văn Hóa Anh**

Học phần bao gồm nội dung: Cung cấp kiến thức chung về địa lý lịch sử, đất nước, con người, phong tục, hệ thống giáo dục, kinh tế, v.v của nước Anh và những thể chế xã hội để tạo nên nét đặc thù nhằm phân biệt những đặc điểm riêng biệt của nền văn minh Anh.

### **Văn Hóa Mỹ**

Học phần bao gồm nội dung: Cung cấp kiến thức tổng quát về việc hình thành và phát triển một đất nước và dân tộc dưới tên Hiệp Chúng Quốc. Các bài đọc về địa lý, lịch sử, nền kinh tế, khoa học công nghệ, sự di dân, nhập cư,...khắc họa đặc điểm hình thành nên con người và văn hóa Mỹ.

### **Nhập môn văn học Anh-Mỹ**

Học phần cung cấp kiến thức lịch sử văn học Anh qua các thời đại và trào lưu văn học. Giới thiệu lịch sử văn học Mỹ từ thời thuộc địa đến các tác giả đương đại và các tác phẩm văn học từ thời kỳ lãng mạn đến thời kỳ hiện thực

### **Văn học Anh-Mỹ**

Là phần tiếp theo của học phần Nhập môn văn hóa Anh Mỹ, học phần giới thiệu văn học Anh và Mỹ thông qua các tác phẩm tiêu biểu của các thời kỳ và các tác giả điển hình với các thể loại văn học như: các bài ballad, truyện thơ, thơ, truyện ngắn, và các trích đoạn tiểu thuyết và bi kịch theo các chủ đề văn học. Tạo cơ hội cho sinh viên làm quen với các kỹ thuật phê bình văn học cũng như ứng dụng kiến thức này vào việc nâng cao cảm thụ văn

học qua các hoạt động diễn dịch, thuyết trình và thảo luận.

### **Nghệ Thuật Hùng Biện**

Học phần rèn luyện cho sinh viên các kỹ thuật chuẩn bị và thể hiện bài nói, bài thuyết trình trước công chúng một cách tự tin và hiệu quả. Môn học này cũng giúp sinh viên luyện tập khả năng tổ chức các cuộc tranh luận, thảo luận trong nhóm về một đề tài.

### **Viết Bài Tiểu Luận**

Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức để viết một bài luận nghiên cứu theo đúng quy cách. Sinh viên được trang bị kiến thức về cách thức tiến hành và trình bày 1 bài nghiên cứu từ sách khoảng 3000 từ đúng hình thức và nội dung thiết thực qua các bước như: chọn đề tài và giới hạn đề tài; tìm và thu thập thông tin, đọc và ghi chép thông tin, trình bày nội dung và dẫn chứng tài liệu. Học phần cũng giúp nhận thức được tinh thần trách nhiệm khi nghiên cứu đề tài, tác phong làm việc cụ thể, chính xác.

### **Âm Vị Học và Hình Vị Học**

Học phần cung cấp cho sinh viên những lý thuyết cơ bản về hệ thống âm, âm vị, vai trò và quan hệ của âm vị trong ngôn ngữ, dấu nhấn, ngữ điệu, một số kiến thức cơ bản về cấu trúc từ, hình vị, phân loại hình vị và các đặc tính của hình vị, sự hình thành từ trong tiếng Anh.

### **Cú Pháp Học**

Học phần cung cấp cho sinh viên các cấu trúc câu, thực hành phân tích các từ loại và chức năng các thành phần trong câu. Học phần này cũng giúp sinh viên nắm vững cấu trúc câu trong tiếng Anh và một số các mẫu cơ bản.

### **Ngữ Nghĩa Học**

Học phần cung cấp cho sinh viên một số kiến thức cơ bản về ngữ nghĩa học, các loại nghĩa, các tính chất, các mối quan hệ về nghĩa trong ngôn ngữ.

### **Biên Dịch Tiếng Anh**

Học phần rèn luyện cho sinh viên kỹ năng dịch Anh- Việt, Việt –Anh. Đây là môn học luyện dịch căn bản nhằm giúp sinh viên làm quen với kỹ năng dịch thuật, củng cố vốn ngữ pháp cần thiết và trang bị cho sinh viên một số nguyên tắc cơ bản về dịch câu. Các kiến thức căn bản được đưa vào giảng dạy trong môn học này gồm ngữ pháp tiếng Anh, các mẫu câu thông dụng và vốn từ căn bản. Ngoài ra môn này còn giúp cho sinh viên làm quen với kỹ năng biên phiên dịch trên cơ sở dịch câu.

### **Phiên Dịch Tiếng Anh –**

Học phần rèn luyện cho sinh viên kỹ năng cơ bản dịch nói Anh- Việt, Việt- Anh. Môn học giúp sinh viên nắm bắt được phương pháp dịch nói trong cuộc hội thảo chuyên môn, công việc hằng ngày: phương pháp, kỹ thuật dịch, phân biệt sự khác nhau giữa cấu trúc Tiếng

Việt và Tiếng Anh, tìm phương pháp giải quyết những vướng mắc trong phiên dịch đặc biệt là sự tác động của tiếng Việt.

### **Phương Pháp Giảng Dạy Tiếng Anh 1, 2, 3**

Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức và kỹ năng cần thiết cho việc giảng dạy tiếng Anh như: nghiên cứu các phương pháp giảng dạy tiếng Anh, nghiên cứu những đặc điểm khác nhau của người học (learner differences), tính chất và vai trò của người dạy học, kỹ thuật giảng dạy hiện đại và nguồn tài liệu giảng dạy và tham khảo, phương pháp giảng dạy các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết, phát âm và từ vựng, v.v, kỹ năng quản lý lớp học, cách thức kiểm tra và đánh giá học tập, tâm lý giáo dục. Ngoài ra, sinh viên sẽ thực hành lên kế hoạch giảng dạy, soạn giáo án chi tiết cho một bài học.

### **Thực Hành Giảng Dạy**

Học phần chuẩn bị cho sinh viên kỹ năng giảng dạy lớp thực. Trọng tâm chính của học phần này là hướng dẫn học sinh chuẩn bị bài dạy theo nhóm. Sau đó, họ thực hành giảng dạy trước lớp để lớp quan sát và thảo luận. Sinh viên thực hành giảng dạy kỹ năng, nghe, nói đọc, viết, ngữ pháp. Sinh viên thảo luận và nhận xét, sau đó giáo viên hướng dẫn nhận xét và đóng góp ý kiến.

### **Giảng Dạy Tiếng Anh cho Trẻ em và Thiếu Niên**

Học phần bao gồm nội dung: nghiên cứu các đặc điểm tính cách của trẻ em (từ 7 đến 12 tuổi) để thiết kế những bài học bổ ích, sinh động, phù hợp với lứa tuổi, liên hệ thế giới thực tế vào bài học để kích thích trẻ học tiếng Anh một cách hứng thú. Học phần rèn luyện cho sinh viên kỹ năng kể chuyện (storytelling), vẽ minh họa, thiết kế các hoạt động để dạy các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết một cách sáng tạo và sinh động, phương thức kiểm tra và đánh giá học tập ở trẻ em.

### **Tâm Lý Giáo Dục**

Học phần bao gồm các nội dung: cung cấp cho sinh viên kiến thức về lịch sử hình thành môn tâm lý giáo dục, biết được mục đích và nội dung thiết thực của môn tâm lý ứng dụng và giáo dục để ứng dụng hiệu quả cho các hoạt động liên quan đến lĩnh vực giáo dục, đào tạo.

### **Giao Tiếp Liên Văn Hóa trong giảng dạy tiếng Anh**

Học phần giúp sinh viên hình thành và nâng cao nhận thức về tầm quan trọng của văn hóa trong giao tiếp. Giúp sinh viên có cái nhìn đa chiều về sự việc, hiện tượng có liên quan đến văn hóa của một địa phương, vùng, toàn cầu, giúp sinh viên tôn trọng sự khác biệt, tôn trọng giá trị đạo đức riêng của mỗi dân tộc được tham chiếu từ chính những chuẩn mực văn hóa của riêng họ nhằm vận dụng vào việc giảng dạy tiếp Anh.

### **Quản lý lớp học**

Học phần giới thiệu và tạo cơ hội cho sinh viên vận dụng các kỹ năng tổ chức và quản lý lớp học ngoại ngữ. Học phần cũng cung cấp ngôn ngữ tiếng Anh cần thiết cho việc tổ chức và quản lý lớp học, giúp tăng hiệu quả giảng dạy.

### **Sử dụng công nghệ trong giảng dạy ngôn ngữ**

Trình bày một số vấn đề của việc ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy ngoại ngữ. Giới thiệu tính năng, tác dụng của một số loại phương tiện kỹ thuật dạy học thông dụng để sinh viên có thể khai thác một cách hợp lý, hiệu quả trong dạy học sau khi ra trường.

### **Tiếng Anh Thương Mại**

Học phần bao gồm các nội dung: Rèn luyện cho sinh viên các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết thương mại, các thuật ngữ liên quan đến chuyên ngành thương mại, kinh doanh. Học phần giúp sinh viên có cái nhìn tổng quan về thế giới kinh doanh quốc tế qua các bài luyện nghe và đọc, phân tích và giải quyết các tình huống kinh doanh.

### **Tiếng Anh Du lịch**

Học phần rèn luyện cho sinh viên các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết, các thuật ngữ liên quan đến chuyên ngành du lịch, giúp sinh viên làm quen với các tình huống liên quan đến lĩnh vực này.

### **Thư Tín Thương Mại**

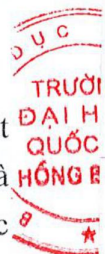
Học phần rèn luyện cho sinh viên kỹ năng viết các hợp đồng, thư thương mại, đơn đặt hàng v.v bằng tiếng Anh theo đúng quy cách. Học phần giúp sinh viên tích lũy kiến thức và nhận thức được tầm quan trọng của việc viết hiệu quả các văn bản liên quan đến lĩnh vực kinh doanh, thương mại.

### **Quan hệ công chúng**

Học phần cung cấp kiến thức đại cương về lĩnh vực quan hệ công chúng, các nguyên lý quan hệ công chúng, các hoạt động quan hệ công chúng, các quan hệ giữa PR với các phương tiện truyền thông...

### **Giao tiếp văn hóa**

Học phần này cung cấp những kiến thức nền tảng về kỹ năng giao tiếp, bao gồm những nguyên tắc giao tiếp cơ bản, phương thức giao tiếp hiệu quả và phù hợp theo từng môi trường và tình huống. Thông qua các bài tập trắc nghiệm về bản thân, bài tập tình huống, với các lý thuyết cơ bản, sinh viên sẽ (1) nhận biết giá trị bản thân; (2) hoàn thiện kỹ năng giao tiếp cá nhân; (3) bước đầu ý thức về hội nhập cộng đồng; và (4) tạo dựng tiền đề cơ bản của văn minh trong giao tiếp.



### **Tổ chức sự kiện**

Học phần cung cấp kiến thức tổng quan về tổ chức sự kiện như định nghĩa sự kiện, cách phân loại sự kiện, cách lập kế hoạch tổ chức sự kiện, cách xử lý tình huống... để giúp cho sinh viên có thể lên kế hoạch và tổ chức một số sự kiện quy mô nhỏ. Học phần cũng có những bài thực hành và gặp gỡ những chuyên gia tổ chức sự kiện, sinh viên sẽ làm quen với công việc tổ chức sự kiện cũng như có thêm những kinh nghiệm cho hoạt động tổ chức sự kiện trong nhiều lĩnh vực.

### **Nghiệp vụ biên phiên dịch**

Học phần giúp sinh viên nắm vững các kỹ năng và kỹ thuật phiên dịch ở các chủ đề thường gặp, các kỹ năng và kỹ thuật biên dịch một cách chính xác và tự nhiên từ ngôn ngữ này sang ngôn ngữ khác; nắm vững và biết áp dụng các chuẩn mực và quy tắc đạo đức cần tuân theo khi trở thành những người làm công tác biên, phiên dịch chuyên nghiệp.

### **Thực tập tốt nghiệp**

Sinh viên đến các trường học thực tập giảng dạy hoặc các cơ quan thực tập các công việc có sử dụng tiếng Anh liên quan đến chuyên ngành mình đã chọn. Đây là giai đoạn giúp sinh viên làm quen với thực tế công việc, trao đổi thêm kiến thức và kỹ năng giữa học tập và thực tế yêu cầu của các cơ quan truyền thông. Kết quả phải có báo cáo và trình bày báo cáo trước bộ môn.

### **Khóa luận tốt nghiệp**

Khóa luận tốt nghiệp là một công trình cá nhân về một vấn đề trong lĩnh vực chuyên ngành sinh viên theo học dưới sự hướng dẫn của giảng viên hướng dẫn và được duyệt bởi bộ môn và Hội đồng Khoa học khoa. khóa tốt nghiệp thường được phát triển từ thực tập tốt nghiệp. Báo cáo khóa tốt nghiệp phải trình bày rõ vấn đề cần giải quyết, giải pháp lựa chọn, các kết quả, hướng phát triển và kết luận, có báo cáo và trình bày kết quả trước hội đồng bảo vệ khóa luận (hội đồng có tối thiểu 3 giảng viên tham gia trong đó có: 01 chủ tịch hội đồng; 01 thư ký hội đồng; các ủy viên hội đồng).

